

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2022/HS-ST

Ngày: 20/7/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Đình Thuận.

2/ Bà Nguyễn Lê Vinh Hương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Vận – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2022/TLST – HS ngày 08 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Võ Mạnh D**, tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1993 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Văn S và bà: Đào Thị H; Vợ: Lê Thị Mai H và có 01 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Tạm giữ: Từ ngày 09/3/2022 đến ngày 18/3/2022; Tạm giam: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2. Họ và tên: **Trương Thế D1**, tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1984 tại huyện N, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm G, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Công T và bà: Trần Thị D; Vợ: Phạm Thị Y và có 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Tạm giữ: Từ ngày 09/3/2022 đến ngày 18/3/2022; Tạm giam: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

3. Họ và tên: **Trương Văn C**, tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1978 tại huyện N, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm G, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 4/12; Dân tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn T và bà: Nguyễn Thị C; Vợ: Lương Thị H và có 02 người

con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/3/2022 bị Chủ tịch UBND xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” (đã thi hành); Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- Bị hại: **Công ty TNHH NA.**

Địa chỉ: Km NM, Quốc lộ 48, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Ngô Văn T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ – Chức vụ: Phó tổng giám đốc. (Văn bản ủy quyền số 22032/NASU, ngày 16/3/2022) (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Hoàng Đức H**, sinh năm: 1977.

Trú tại: Xóm T, xã H1, huyện N, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

2. Anh **Lê Ngọc A**, sinh năm: 1994.

Trú tại: Khối H1, phường QT, thị xã TH, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Mạnh D là công nhân lái máy xúc và bị cáo Trương Thế D1 là công nhân cơ khí của Công ty TNHH NA, do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của công ty các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm sắt, thép của công ty đưa đi bán, cụ thể như sau.

Lần thứ nhất: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 06/3/2022 D gặp D1, trong lúc nói chuyện cả 02 nảy sinh ý định và rủ nhau lấy trộm sắt tại bãi vật liệu của công ty NA đem đi bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 02 giờ 00 phút ngày 07/3/2022 lợi dụng lúc vắng người, D điều khiển xe máy xúc lật của công ty đến bãi tập kết sắt vụn rồi cùng D1 bốc vào gàu của máy xúc lấy khoảng 500kg sắt các loại (như bánh goòng, sắt chữ V, đinh vít,...) sau đó D chở ra phía sau tường rào gần khu vực hồ xử lý nước thải của công ty đổ ra ngoài tường rào, sau đó D1 gọi điện thoại cho Trương Văn C, sinh năm 1978, cùng trú tại xóm G, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An đưa xe bò lớp đến chở số sắt vừa lấy được, khi đến nơi C mới biết số sắt D1 nhờ chở là tài sản do trộm cắp mà có, được D1 hứa trả tiền công nên C cùng D1 bốc số sắt để C chở về nhà của mình cất giấu. Đến khoảng 8 giờ cùng ngày D1 bán số sắt trên được số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), theo lời khai của D1 số sắt được D1 bán cho anh Hoàng Đức H, sinh năm 1977, trú tại xóm T, xã H1, huyện N, tỉnh Nghệ An, sau khi bán xong D1 đưa cho C số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng), số tiền còn lại D1 tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Vào khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 07/3/2022 D điện thoại cho D1 nói có 05 (năm) bộ trục bánh goòng đường ray bằng thép để ở xưởng cơ khí của công ty đường NA có lấy không (ý nói có trộm bán lấy tiền tiêu xài không) D1 đồng ý thực hiện cùng D, đến khoảng 21 giờ lợi dụng lúc không có người trông coi D sử dụng máy xúc lật của công ty điều khiển đến khu vực sân xưởng

cơ khí xúc 05 (năm) bộ trục bánh goòng đường ray bằng thép vào gàu chở ra khu vực tường rào phía sau gần khu vực hồ xử lý nước thải của Công ty đổ ra ngoài tường rào, sau đó gọi điện thoại cho D1 đến lấy. Khoảng 4 giờ 30 phút ngày 08/3/2022 D1 gọi điện cho C cùng đến bốc số tài sản nói trên, C biết tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý sử dụng xe bò lốp chở đưa về nhà mình cất giấu. Đến khoảng 8 giờ ngày 08/3/2022 D1 gọi điện thoại cho anh H đến mua 05 (năm) bộ trục bánh goòng đường ray bằng thép được số tiền 7.580.000 đồng (bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng), số tiền có được D1 chia cho D 4.400.000 đồng (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng), số tiền còn lại D1 sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua được 05 (năm) bộ trục bánh goòng đường ray bằng thép anh H tiếp tục bán lại cho anh Lê Ngọc A, sinh năm 1994, trú tại khối H, phường QT, thị xã TH, tỉnh Nghệ An với số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), khi biết tài sản mình có được là vật chứng trong vụ án trộm cắp, anh Lê Ngọc A đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan Công an điều tra.

Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo Võ Mạnh D, Trương Thế D1 và Trương Văn C chiếm đoạt của Công ty TNHH NA vào ngày 07/3/2022 là 15.175.000 đồng (mười lăm triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tại kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐG ngày 18/3/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Quỳnh Hợp kết luận: 05 (năm) bộ trục bánh goòng đường ray bằng thép đã qua sử dụng, khối lượng 700kg có giá trị là 10.175.000 đồng (mười triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tại kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐG ngày 26/4/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Quỳnh Hợp kết luận: 500kg sắt vụn các loại có giá trị là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Bản cáo trạng số: 44/CT-VKSQH, ngày 07/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, truy tố các bị cáo Võ Mạnh D, Trương Thế D1 và Trương Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Viện kiểm sát đã truy tố. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Mạnh D từ 16 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 đến 36 tháng.

Xử phạt bị cáo Trương Thế D1 từ 14 đến 16 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 đến 32 tháng.

Xử phạt bị cáo Trương Văn C từ 12 đến 14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 28 tháng.

Áp dụng khoản 5 Điều 173 bộ luật hình sự, phạt bổ sung các bị cáo Võ Mạnh D và Trương Thế D1 10.000.000 đồng, phạt bổ sung bị cáo Trương Văn C

8.000.000 đồng. Buộc các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong về phần dân sự cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên đề nghị không xem xét.

Đối với vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra gồm 05 (năm) bộ trục bánh goòng đường ray bằng thép đã trả lại cho Công ty TNHH NA, 01 điện thoại di động cùng số tiền 266.000 đồng trả lại cho bị cáo Võ Mạnh D, 01 điện thoại di động trả lại cho bị cáo Trương Thế D1, đề nghị không xem xét thêm.

Tại phần tranh luận các bị cáo, đại diện theo ủy quyền của bị hại không có ý kiến tranh luận gì. Nói lời nói sau cùng tại phiên tòa, các bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, đại diện theo ủy quyền của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Trong quá trình điều tra những người vắng mặt đã có lời khai đầy đủ, không có yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự, nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Căn cứ đơn trình báo của bị hại, người liên quan; Biên bản sự việc; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường; Biên bản tạm giữ, mở niêm phong, kiểm tra đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Kết luận định giá tài sản; Bản tự khai, lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định.

Vào ngày 07/3/2022 các bị cáo Võ Mạnh D, Trương Thế D1 và Trương Văn C đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là sắt, thép của Công ty TNHH NA đưa đi bán sắt vụn, khối lượng sắt đem bán lần thứ nhất bao gồm

nhieu loại sắt là 500kg, lần thứ hai gồm 05 bộ trục bánh goòng đường ray bằng thép có khối lượng hơn 700kg, tổng trị giá tài sản các bị cáo trộm cắp được định giá là 15.175.000 đồng (mười lăm triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Hành vi lén lút trộm cắp tài sản công ty TNHH NA của các bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự theo như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp là có căn cứ, đúng người và đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh tại khu vực nhà máy sản xuất nói riêng và trên địa bàn địa phương nói chung, gây tâm lý lo lắng, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật, nhưng để có tiền thỏa mãn nhu cầu cá nhân, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, nên khi lượng hình cần buộc các bị cáo chịu mức án tương xứng với mức độ, hành vi và hậu quả do mình gây ra để nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho xã hội và răn đe giáo dục phòng ngừa chung. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án cho thấy, sau khi phạm tội các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, tích cực bồi thường, trong quá trình điều tra, truy tố có thái độ hợp tác khai báo thành khẩn, đại diện theo ủy quyền của bị hại có văn bản và ý kiến tại phiên tòa xin xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Các bị cáo phạm tội hai lần, nhưng đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, trước khi phạm tội trong quá trình sinh sống, làm việc tại địa phương luôn chấp hành mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chấp hành tốt nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, đóng góp vào việc xây dựng xóm làng, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, thường xuyên và ổn định.

Để cho các bị cáo cơ hội được tự cải tạo, sửa chữa lỗi lầm của mình trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và qua đó thể hiện sự khoan hồng, tính nhân văn của pháp luật Nhà nước ta, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, việc xem xét cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội không làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương và không gây nguy hiểm cho xã hội, nên căn cứ vào Điều 65 BLHS, hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC xem xét cho hưởng án treo, cho các bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ nghiêm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn, xét về vai trò của các bị cáo, bị cáo Võ Mạnh D giữ vai trò chính, là người đề xướng

và tích cực thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Trương Thế D1 giữ vai trò thứ hai trong vụ án, tích cực hưởng ứng và tham gia thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Trương Văn C giữ vai trò thứ ba với vai trò giúp sức trong việc vận chuyển và che giấu tài sản trộm cắp, bản thân bị cáo C có nhân thân về hành vi đánh bạc bị Chủ tịch UBND xã H, huyện N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo được đại diện theo ủy quyền của bị hại có ý kiến xin xem xét giảm nhẹ mức hình phạt; bị cáo Trương Văn C có bố, mẹ đẻ là người có công được Nhà Nước tặng huân, huy chương; bị cáo Trương Thế D1 có thành tích đóng góp, ủng hộ trong việc phòng chống dịch Covid-19 tại địa phương, được UBND và Hội chữ thập đỏ xã H xác nhận, bản thân bị cáo đang sống trong gia đình và trực tiếp chăm sóc mẹ liệt sỹ (bà nội của bị cáo); bị cáo Võ Mạnh D trong thời gian đi nghĩa vụ Công an có nhiều thành tích được tặng danh hiệu chiến sỹ tiên tiến, đó là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, sau khi phạm tội đã bị công ty sa thải hiện các bị cáo là lao động tự do, không có công việc, nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản để đảm bảo thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Đức H và anh Lê Ngọc A là những người mua sắt, thép tài sản có nguồn gốc do các bị cáo trộm cắp mà có, tuy nhiên quá trình điều tra đã làm rõ người mua không biết tài sản mình mua do phạm tội mà có, nên không có căn cứ để xem xét xử lý về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” đối với những người liên quan.

[6] Bị cáo Trương Thế D1 khai nhận, sáng ngày 07/3/2022 đã bán 500kg sắt cho anh Hoàng Đức H được số tiền 5.000.000 đồng, quá trình điều tra và cho đối chất giữa hai bên, anh H khẳng định không mua 500kg sắt với bị cáo D1 vào ngày 07/3/2022, cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp đã ra thông báo truy tìm để xử lý theo quy định.

[7] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, đã xác minh làm rõ 01 chiếc điện thoại di động và số tiền 226.000 đồng thu giữ của bị cáo Võ Mạnh D và 01 điện thoại thu giữ của Trương Thế D1 không liên quan đến hành vi phạm tội của

các bị cáo, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các bị cáo là đúng quy định.

05 (năm) bộ trục bánh goòng đường ray bằng thép đã được cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Công ty TNHH NA là đúng quy định.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong về phần dân sự, quá trình lấy lời khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo chịu tiền án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Mạnh D, Trương Thế D1 và Trương Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Mạnh D 20 (Hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 (Bốn mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trương Thế D1 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trương Văn C 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Võ Mạnh D về cho chính quyền UBND xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An và giao các bị cáo Trương Thế D1, Trương Văn C về cho chính quyền UBND xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Võ Mạnh D, Trương Thế D1 và Trương Văn C chịu án phí Hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo và đại diện theo ủy quyền của bị hại, vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo và đại diện theo ủy quyền của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh hợp;
- Cơ quan điều tra CA huyện Quỳnh hợp;
- THADS huyện Quỳnh Hợp;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- lưu HS, VP;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Văn Đông